

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 65/2023/HĐ-KHĐT

Về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Tài khoản số: 1221 000000 2208- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Đỗ Mạnh Dũng** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 Fax: 02437550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Vietinbank - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin.

Nội dung công việc chi tiết có phụ lục kèm theo.

Điều 2: Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2023

Tiến độ thực hiện: Theo yêu cầu của bên A

Điều 3: Chất lượng và số lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm: Công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Số lượng sản phẩm: 01 bộ tài liệu + file số lưu toàn bộ tài liệu.

Điều 4: Giá trị, hình thức và thanh toán hợp đồng:

4.1 Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT 10%): **103.158.000 đồng** (có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng)

Chi tiết giá Hợp đồng tại phụ lục kèm theo.

Khối lượng, giá trị thanh toán chính thức là khối lượng, giá trị bên B thực hiện được bên A nghiệm thu.

Khi có khối lượng phát sinh, điều chỉnh đơn giá thanh toán hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng bổ sung.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp thuế GTGT của công việc thuộc hợp đồng này có sự thay đổi theo quy định của Nhà nước thì hai bên áp dụng thực hiện theo điều chỉnh của Nhà nước mà không cần ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

4.2 Loại hợp đồng: Trọn gói

4.3 Thanh toán

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ công việc theo điều 1 của hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành và biên bản thanh lý hợp đồng làm cơ sở để Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Phán xét của VIAC là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1- Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

+ Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thương, phạt vi phạm hợp đồng

- Thương hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1- Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2- Huỷ bỏ hợp đồng:

+ Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

+ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

+ Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

- Chịu trách nhiệm với Bên A về các số liệu thu thập, đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình thực hiện công việc.

Trong quá trình thực hiện công việc bên B bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính, an ninh mạng và tuân thủ các điều kiện sau:

- Việc cung cấp, trao đổi, lưu trữ, sử dụng thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật.

- Việc sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng mục đích theo yêu cầu cung cấp, không sử dụng cho mục đích, công việc khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản bên A.

- Không được chuyển quyền sử dụng đối với thông tin, dữ liệu nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Việc vi phạm sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tùy mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cử cán bộ giám sát thi công và cùng bên B nghiệm thu khi công trình kết thúc.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

- Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

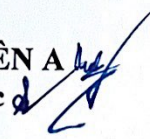

Điều 11: Điều khoản cam kết:

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh ngoài thỏa thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc 

Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc 

Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023)

| TT | Công việc | Cách tính | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------|------------------------------------|--------------------------|----------|----------------|--------------------|---------|
| I | Ngoại nghiệp | | | | 12.420.000 | |
| - | Nhân công lấy mẫu | 3 người x 2 ngày x 4 lần | 24 | 517.500 | 12.420.000 | |
| II | Nội nghiệp | | | | 57.960.000 | |
| 1 | Xử lý số liệu quan trắc | 2 người x 5 ngày x 4 lần | 40 | 517.500 | 20.700.000 | |
| 2 | Viết thuyết minh | 2 người x 5 ngày x 4 lần | 40 | 517.500 | 20.700.000 | |
| 3 | Thành lập bản đồ | 2 người x 4 ngày x 4 lần | 32 | 517.500 | 16.560.000 | |
| III | Chi phí khác | | | | 23.400.000 | |
| 1 | Lưu trữ | 3 người x 1 đêm x 4 lần | 12 | 250.000 | 3.000.000 | |
| 2 | Công tác phí | 3 người x 2 ngày x 4 lần | 24 | 150.000 | 3.600.000 | |
| 3 | Thuê xe quan trắc | 2 ngày x 4 lần | 8 | 2.000.000 | 16.000.000 | |
| 4 | In ấn, văn phòng phẩm, ... | 1 quyển x 4 lần | 4 | 200.000 | 800.000 | |
| | Giá trị hợp đồng trước thuế | | | | 93.780.000 | |
| | Thuế VAT (10%) | | | | 9.378.000 | |
| | Giá trị hợp đồng sau thuế | | | | 103.158.000 | |

PHỤ LỤC: SỐ LƯỢNG ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ MẪU PHÂN TÍCH
(Kèm theo Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14 tháng 3 năm 2023)

| TT | Thông số | Số điểm | Tần suất (lần/năm) | Số mẫu phân tích |
|------------------|--|---------|-----------------------|---------------------|
| I | Môi trường nước | | | |
| 1 | Nước thải theo ĐTM | 4 | 4 | 16 |
| 2 | Nước mặt theo tình hình sản xuất của Công ty | 3 | 4 | 12 |
| 3 | Nước thải sinh hoạt (bổ sung theo yêu cầu của Sở TN và MT tỉnh Quảng Ninh) | 2 | 4 | 8 |
| II | Môi trường đất | 3 | 4 | 12 |
| III | Môi trường không khí - tiếng ồn | | | |
| 1 | Toàn Công ty | 9 | 4 | 36 |
| IV | Vi khí hậu | | | |
| 1 | Toàn Công ty | 9 | 4 | 36 |
| Tổng cộng | | | | 120 |

118/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
(Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/03/2023)

Căn cứ Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/03/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin;

Căn cứ Nghị định 44/2023/NĐ - CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ các biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường năm 2023 khai trường sản xuất - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin;

Căn cứ biên bản bàn giao báo cáo kết quả Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin quý I, quý II, quý III, quý IV năm 2023;

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Ông: Đỗ Mạnh Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Minh

Chức vụ: TP. KHĐT

Ông: Nguyễn Trường Chinh

Chức vụ: TP Tài chính kế toán

Ông: Lê Anh Minh

Chức vụ: TP. Môi trường

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ-ĐỊA CHẤT

Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

I/ THỜI GIAN NGHIỆM THU

Bắt đầu hồi 14 giờ 30' ngày 19 tháng 12 năm 2023

Kết thúc hồi 15 giờ 15' ngày 19 tháng 12 năm 2023

II/ NỘI DUNG

Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/03/2023, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất đã thực hiện và hoàn thành công việc tham gia lấy mẫu và lập báo cáo Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin theo Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/03/2023.

2. Nội dung bàn giao bao gồm:

2.1. Công tác quan trắc, lấy mẫu, chi tiết theo các biên bản bàn giao

Các biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin.

Số lượng mẫu Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin do Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất bàn giao đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu.

(Số lượng mẫu có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2.2. Công tác lập báo cáo

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin quý I năm 2023.

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin quý II năm 2023.

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin quý III năm 2023.

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin quý IV năm 2023.

Chất lượng hồ sơ: Các báo cáo do bên B thực hiện đảm bảo đầy đủ theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, rõ ràng, sạch đẹp.

III. GIÁ TRỊ THỰC HIỆN

Giá trị hợp đồng: **103.158.000** đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Giá trị thực hiện: Theo quy định tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, đối với mặt hàng tại hợp đồng này áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8%, giá trị thực hiện là: **101.282.400** đồng (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Một trăm linh một triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm đồng)

(Giá trị xác nhận có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. KẾT LUẬN

Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng, giá trị do bên B thực hiện.

Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023)

| TT | Công việc | Cách tính | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------|------------------------------------|--------------------------|----------|----------------|--------------------|---------|
| I | Ngoại nghiệp | | | | 12.420.000 | |
| - | Nhân công lấy mẫu | 3 người x 2 ngày x 4 lần | 24 | 517.500 | 12.420.000 | |
| II | Nội nghiệp | | | | 57.960.000 | |
| 1 | Xử lý số liệu quan trắc | 2 người x 5 ngày x 4 lần | 40 | 517.500 | 20.700.000 | |
| 2 | Viết thuyết minh | 2 người x 5 ngày x 4 lần | 40 | 517.500 | 20.700.000 | |
| 3 | Thành lập bản đồ | 2 người x 4 ngày x 4 lần | 32 | 517.500 | 16.560.000 | |
| III | Chi phí khác | | | | 23.400.000 | |
| 1 | Lưu trú | 3 người x 1 đêm x 4 lần | 12 | 250.000 | 3.000.000 | |
| 2 | Công tác phí | 3 người x 2 ngày x 4 lần | 24 | 150.000 | 3.600.000 | |
| 3 | Thuê xe quan trắc | 2 ngày x 4 lần | 8 | 2.000.000 | 16.000.000 | |
| 4 | In ấn, văn phòng phẩm, | 1 quyển x 4 lần | 4 | 200.000 | 800.000 | |
| | Giá trị hợp đồng trước thuế | | | | 93.780.000 | |
| | Thuế VAT (8%) | | | | 7.502.400 | |
| | Giá trị hợp đồng sau thuế | | | | 101.282.400 | |

**PHỤ LỤC SỐ LƯỢNG ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ MẪU PHÂN TÍCH
KHU VỰC KHAI TRƯỜNG SẢN XUẤT CÔNG TY CP THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 19/12/2023 Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT)

| STT | Thông số | Số điểm quan trắc | Tần suất quan trắc | Số mẫu phân tích |
|-------------|--|----------------------|-----------------------|---------------------|
| I | Môi trường nước | | | |
| 1 | Nước thải theo ĐTM | 4 | 4 | 16 |
| 2 | Nước mặt theo tình hình sản xuất của Công ty | 3 | 4 | 12 |
| 3 | Nước thải sinh hoạt (bổ sung theo yêu cầu của Sở TN và MT tỉnh Quảng Ninh) | 2 | 4 | 8 |
| II | Môi trường đất | 3 | 4 | 12 |
| III | Môi trường không khí - tiếng ồn | | | |
| 1 | Trong ranh giới toàn Công ty | 9 | 4 | 36 |
| IV | Vi khí hậu | | | |
| 1 | Trong ranh giới toàn Công ty | 9 | 4 | 36 |
| Tổng | | | | 120 |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....000.....

BIÊN BẢN THANH LÝ

Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày tháng 12 năm 2023;

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Tài khoản số: 1220002208 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Đỗ Mạnh Dũng** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 Fax: 02437550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Vietinbank - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

Bên B đã thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin cho Bên A theo đúng nội dung yêu cầu của hợp đồng số 65/2023/HĐ-KHĐT ngày 14/3/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu ngày tháng 12 năm 2023

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 103.158.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%)
- Giá trị thực hiện: 101.282.400 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: 101.282.400 đồng

(Bằng chữ: Một trăm linh một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng)

Điều 3. Điều khoản chung

- Hai bên thống nhất các nội dung theo biên bản thanh lý hợp đồng này.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý, bên B bàn giao đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho bên A.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

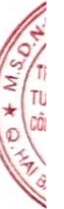


Trần Đình Kiên

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

**CÁN BỘ THAM GIA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SẢN XUẤT NĂM 2023-2024
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

| TT | Tên hợp đồng | Số HĐ | Ngày ký HĐ | Tổng giá trị HĐ | Giá trị thực hiện | Ngày quyết toán | Chủ nhiệm đề tài | Thành viên tham gia |
|----|--|-----------------------------------|------------|-----------------|-------------------|-----------------|--------------------|--|
| 1 | T/h một phần công việc Lập PAKT, Phương án thi công thuộc PA thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2793/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Khe Chàm III, TP Cẩm Phả, T Quảng Ninh | 110/2019/HĐ-KHĐT (78/2019-CODECO) | 30/10/2019 | 431.963.522 | 34.688.622 | 29/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 2 | Đo đạc, khảo sát, quan trắc lưu lượng nước trên mặt, chỉnh lý bản đồ địa chất thủy văn mỏ: quét, số hóa các bản vẽ thuộc công trình: quan trắc địa chất thủy văn mỏ Bình Minh, đánh giá mối quan hệ giữa nước mặt và nước hầm lò | 178/2022/HĐ-KHĐT (94/2022-CODECO) | 22/07/2022 | 237.787.359 | 237.787.359 | 17/10/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 3 | Thực hiện một phần công việc vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động TKV năm 2023 | 01/2023/HĐ-KHĐT (121/2023-CODECO) | 03/01/2023 | 217.330.439 | 213.378.976 | 29/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 4 | Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin | 23/2023/HĐ-KHĐT (116/2023-CODECO) | 05/01/2023 | 98.604.000 | 96.811.200 | 19/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 5 | Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin | 24/2023/HĐ-KHĐT (48/2023-CODECO) | 05/01/2023 | 146.173.500 | 71.757.900 | 19/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh |
| 6 | Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường định kỳ (Khu khai trường Cao Sơn) và quan trắc môi trường các trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Hệ thống khai thác nước mặt từ Moong lộ via 21 Khe Chàm Công ty CP than Cao Sơn -TKV năm 2023 | 42/2023/HĐ-KHĐT (117/2023-CODECO) | 17/02/2023 | 141.234.500 | 138.666.600 | 19/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền |



| | | | | | | | | |
|----|--|------------------------------------|------------|-------------|-------------|------------|--------------------|--|
| 7 | Thực hiện một phần công việc quan trắc môi trường mỏ than Đèo Nai năm 2023, công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin | 53/2023/HĐ-KHĐT (120/2023-CODECO) | 01/03/2023 | 52.442.500 | 51.489.000 | 20/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền |
| 8 | Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin | 56/2023/HĐ-KHĐT (49/2023-CODECO) | 03/03/2023 | 63.481.000 | 31.163.400 | 19/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền |
| 9 | Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin | 65/2023/HĐ-KHĐT (118/2023-CODECO) | 14/03/2023 | 103.158.000 | 101.282.400 | 19/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh |
| 10 | Lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty than Mông Dương - Vinacomin | 71/2023/HĐ-KHĐT (60/2023-CODECO) | 20/03/2023 | 175.793.181 | 161.174.376 | 27/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 11 | Thực hiện Quan trắc lún, quan trắc chuyển dịch ngang và quan trắc thấm. Hạng mục công trình: Đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1 giai đoạn 2 và đập hồ Cầu tư năm 2023 - Chu kỳ 2 | 97/2023/HĐ-KHĐT (68/2023-CODECO) | 05/04/2023 | 263.331.745 | 258.543.895 | 06/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 12 | Thực hiện một phần công việc lập báo cáo tổng hợp chính lý tài liệu địa chất phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ Đồng Vông | 134/2023/HĐ-KHĐT (62/2023-CODECO) | 11/05/2023 | 130.188.856 | 127.821.785 | 28/11/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền |
| 13 | Thi công Quan trắc dịch động các mái taluy khu vực Quang Lật Cánh Gà, Trạm Quạt +139 TVD, +215 Cánh Gà và khu vực địa hình phía trên lò chợ cơ giới hóa CI-8-5 - Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin năm 2023 | 176/2023/HĐ-KHĐT (70/2023-CODECO) | 15/06/2023 | 516.123.170 | 506.739.113 | 26/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 14 | Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/08/2009 mỏ than Uông Thượng | 212/2023/HĐ-KHĐT (78/2023-CODECO) | 18/07/2023 | 571.337.353 | 598.855.046 | 29/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 15 | Thực hiện một phần công việc Lập Báo cáo tổng hợp tài liệu, tính trữ lượng phục vụ quyết toán tài nguyên giấy phép khai thác số 2789/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 và giấy phép khai thác số 141/GP-BTNMT ngày 01/02/2013 mỏ than Vàng Danh | 271/2022/HĐ-KHĐT (109/2022-CODECO) | 21/12/2022 | 131.397.035 | 129.007.998 | 26/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh |

3107433
CÔNG TY
CHỈ NHIỆM HỮU
VẠN, TRIỂN
NGHỆ VÀ XÂY
ĐỊA CHỈ
PUNG - T.S

| | | | | | | | | |
|----|--|------------------------------------|------------|-------------|-------------|------------|--------------------|-------------------------------------|
| 16 | Đo vẽ, chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/5.000 diện tích 6,22km2 (vùng có phụ cấp KV 0,1) thuộc CT: thi công Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi được phép khai thác mỏ than Khe Chàm II-IV thuộc P Mông Dương, TP Cẩm Phả, t Quảng Ninh theo GP khai thác số 248/GP-BTNMT ngày 07/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 290/2023/HĐ-KHĐT (101/2023-CODECO) | 24/10/2023 | 625.543.047 | 625.543.047 | 29/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú |
| 17 | Lập phương án kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) - dự toán đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác số 248/GP-TNMT ngày 07/10/2022 mỏ Khe Chàm II-IV Công ty Than Ha Long - TKV | 91/2023/HĐ-KHĐT (61/2023-CODECO) | 28/03/2023 | 860.369.231 | 272.859.054 | 29/12/2023 | Nguyễn Trung Thành | Phạm Thị Vân Anh Lê Thị Ngọc Tú |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY *Quy*



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan

